

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **173/2018/HS-ST**.

Ngày 31-5-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh.

Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố **B**, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Hà Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố **B**, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 147/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trịnh Thị H**, sinh năm 1972 tại Đồng Nai (có mặt).

Nơi cư trú: K2/75D, khu phố S, phường K, thành phố **B**, tỉnh Đồng Nai;
Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 7/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Văn Tuệ (chết); Và bà: Trịnh Thị Nhân, sinh năm 1920; Chồng: Phạm Văn Vĩ, sinh năm 1964 (đã ly hôn) và có hai con sinh năm 2004 và năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 09/CSDT ngày 21/11/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố **B**.

- Bị hại: Bà **Phạm Thị Kim C**, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố S phường K thành phố **B**, tỉnh Đồng Nai.

- Người làm chứng: Bà Văn Thị Vân L, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà K2/128B khu phố S phường K thành phố **B**, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Thị H và bà Phạm Thị Kim C, sinh năm 1970 có mối quan hệ là chị dâu và em chồng, hai nhà ở đối diện nhau tại nhà số K2/75B và K2/75D thuộc khu phố S phường K thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống giữa H với bà C nảy sinh mâu thuẫn.

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 28 tháng 02 năm 2017, tại phía trước nhà của H số K2/75D khu phố S, phường K, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, H đang ngồi dùng kiềm cắt móng tay thì xảy ra cãi vã với bà C dẫn đến xô xát đánh nhau. Trong lúc hai bên đánh nhau H dùng cây kiềm (hiệu kiềm Nghĩa) bằng inox dài khoảng 10cm có mũi nhọn đang cầm sẵn trên tay đâm 02 (hai) nhát trúng vào vùng tai trái, gò má trái và thái dương trái của bà C. Sau đó H vứt cây kiềm, H và bà C dùng tay nắm tóc giằng co kéo nhau ra đường hẻm phía trước (nhà anh Trương Văn Tạo cách nhà H khoảng 15 mét). Tại đây, Hương và bà C tiếp tục vật nhau xuống đường dùng tay đánh nhau thì được những người xung quanh đến can ngăn. H đi về nhà, còn bà C được đưa đến bệnh viện đa khoa Đồng Nai cấp cứu.

Vật chứng gồm: 01 (một) cây kiềm bằng inox dài khoảng 10cm có mũi nhọn (hiệu kiềm Nghĩa) đã được Công an thu giữ.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số: 20/YC - BVĐN ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai và Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0172/GDPY/2017 ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Giám định viên Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Đồng Nai, đã kết luận bà Phạm Thị Kim C bị thương tích như sau:

- Vết thương trước tai trái để lại sẹo kích thước 04 x 0,3cm và vết thương bờ ngoài gò má trái để lại sẹo kích thước 2,5 x 0,2cm, sẹo đổi màu, xơ dính, xấu về thẩm mỹ (Áp dụng Chương 9, điều IV, mục 1). Tỷ lệ: 11%

- Vết thương thái dương trái để lại sẹo kích thước 01 x 0,3cm (Áp dụng Chương 9, điều I, mục 1). Tỷ lệ 01%

Tỷ lệ tổn thương cơ thể (Áp dụng theo phương pháp cộng lùi) do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: **12%** (Mười hai phần trăm).

Kết luận khác: Vật gây thương tích: Vật sắc.

Trong lúc đánh nhau Trịnh Thị H bị bà C dùng tay đánh bị thương nhẹ ở vùng mặt và đầu nhưng H không yêu cầu giám định.

Quá trình điều tra, Trịnh Thị H đã bồi thường chi phí điều trị thương tích cho bà Phạm Thị Kim C với số tiền 11.000.000đồng (Mười một triệu đồng), bà C không yêu cầu bồi thường thêm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại đối với Kết luận giám định pháp y của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Đồng Nai. Bị hại không có ý kiến hay khiếu nại đối với Kết luận giám định pháp y của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa không có ý kiến đối với Kết luận giám định pháp y của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Đồng Nai.

Vật chứng vụ án: 01 (một) cây kiếm bằng inox dài khoảng 10cm có mũi nhọn (hiệu kiếm Nghĩa) đã được Công an thu giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường 11.000.000 đồng tiền điều trị thương tích cho bị hại Phạm Thị Kim C. Bà Phạm Thị Kim C không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản cáo trạng số: 149/CT/VKS-HS ngày 26/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố **B** truy tố bị cáo Trịnh Thị H, về tội “Cố ý gây thương tích”, theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố **B** trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trịnh Thị H từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo án định thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trịnh Thị H đã bồi thường xong cho bị hại bà Phạm Thị Kim C. Bà Phạm Thị Kim C không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiên hủy 01 (một) cây kiếm bằng inox dài khoảng 10cm có mũi nhọn (hiệu kiếm Nghĩa).

Ý kiến bị hại: Không có ý kiến.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về việc bị cáo đã làm, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo nuôi hai con nhỏ sinh năm 2004 và năm 2008.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an thành phố **B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố **B**, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, với lời khai của bị hại, người làm chứng, các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố **B** mô tả. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Do có mâu thuẫn trong sinh hoạt giữa Trịnh Thị H với chị Phạm Thị Kim C (em chồng của H). Vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 28 tháng 02 năm 2017, tại khu phố S phường K thành phố **B** tỉnh Đồng Nai, H và chị C xảy ra cãi vã xô xát, đánh nhau. Trong lúc đánh nhau, H đã dùng cây kiếm dài khoảng 10cm có mũi nhọn, đâm 02 nhát vào vùng tai trái, gò má trái và thái dương trái của chị Phạm Thị Kim C, gây thương tích với tỷ lệ thương tật 12%.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số: 20/YC - BVĐN ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai và Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0172/GĐPY/2017 ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Giám định viên Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Đồng Nai, đã kết luận bà Phạm Thị Kim C bị thương tích tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: **12%**:

Hành vi của bị cáo “dùng hung khí nguy hiểm” đã phạm vào tình tiết định khung được quy định tại điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo đã bồi thường cho bà Phạm Thị Kim C số tiền 11.000.000đồng. Cha bị cáo ông Trịnh Văn Tuệ được tặng Huân chương kháng chiến chống Pháp hạng nhất (có xác nhận của Ban Chỉ huy Quân sự xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, mẹ bị cáo bà Trịnh Thị Nhân được hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Bị cáo đã ly hôn chồng tháng 02 năm 2017 hiện nuôi hai con nhỏ sinh năm 2004 và năm 2008 (có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường K, thành phố **B**, tỉnh Đồng Nai ngày 27/11/2017). Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Với các tình tiết giảm nhẹ trên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ giáo dục và phòng ngừa chung nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo **Trịnh Thị H** đã bồi thường cho bị hại bà **Phạm Thị Kim C**. Bà **Phạm Thị Kim C** không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây kiếm bằng inox dài khoảng 10cm có mũi nhọn (hiệu kiếm Nghĩa). (Theo biên bản giao nhận, vật chứng tài sản ngày 26/4/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố **B**, tỉnh Đồng Nai.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo **Trịnh Thị H** phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Trịnh Thị H** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Trịnh Thị H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 31/5/2018.**

Giao bị cáo **Trịnh Thị H** cho Ủy ban nhân dân phường K, thành phố **B**, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây kiếm bằng inox dài khoảng 10cm có mũi nhọn (hiệu kiếm Nghĩa). (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/4/2018) của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố **B**, tỉnh Đồng Nai.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo phải nộp 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. **B** (1);
- Nhà tạm giữ Công an TP. **B** (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- Ủy ban nhân dân phường K, thành phố **B** (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Dung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Chánh

Thiều Thị Phi Loan

Trần Thị Kim Dung

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.**B** (2);
- Nhà tạm giữ Công an TP.**B** (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- Ủy ban nhân dân phường K,
thành phố **B** (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Dung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Chánh

Thiều Thị Phi Loan

Trần Thị Kim Dung

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.**B** (2);
- Nhà tạm giữ Công an TP.**B** (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- Ủy ban nhân dân phường Long Bình, thành phố **B** (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Dung